



CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **387**/CBTT-CT3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **23** tháng 06 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I- Giới thiệu về tổ chức công bố thông tin:

1- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

2- Mã chứng khoán: CT3

3- Địa chỉ trụ sở chính: 136/1 Trần Phú – Phường Chợ Quán – TP. Hồ Chí Minh

4- Điện thoại: (028) 38339390 ; Fax: (028) 38351102

II- Nội dung công bố thông tin:

Công bố tài liệu Hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, vào ngày 26/06/2026 (Có tài liệu họp ĐHĐCĐ đính kèm). Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được công ty chúng tôi đưa lên trang Web của công ty vào ngày 23/06/2026. Đường dẫn đến tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 trên trang Web: www.ct3.com.vn. (Mục Hội đồng cổ đông).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được Ủy quyền công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để B/c);
- TGD (để B/c);
- Lưu VP.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Cường



Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian: 08 giờ 00 Thứ Sáu, ngày 26 tháng 06 năm 2026.

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3
136/1 Trần Phú, Phường Chợ Quán, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian	Nội dung
08:00 - 08:30	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông - Cổ đông làm thủ tục tham dự Đại hội.
08:30 - 08:40	- Khai mạc Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Giới thiệu và biểu quyết Đoàn Chủ tịch - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Thư ký Đại hội - Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu - Thông qua chương trình Đại hội - Thông qua quy chế tổ chức Đại hội - Thông qua quy chế đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát
08:40 - 08:50	- Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2025
08:50 - 09:00	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026.
09:00 - 09:10	- Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026.
09:10 - 09:50	Trình bày các tờ trình: 1. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025. 2. Tờ trình về Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026. 3. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2026. 4. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026. 5. Tờ trình về chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026. 6. Tờ trình thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định. 7. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. 8. Tờ trình sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty. 9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty.



	10. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. 11. Tờ trình thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty. 12. Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu thành viên HĐQT, BKS mới nhiệm kỳ 2023-2028.
09:50 - 10:00	- Đại diện lãnh đạo cấp trên phát biểu.
10:00 - 10:30	- Thảo luận - Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội.
10:30 - 10:50	- Nghỉ giải lao
10:50 - 11:10	- Công bố kết quả kiểm phiếu.
11:10 - 11:30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11:30	- Tuyên bố bế mạc Đại hội.

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



Vương Tấn Hát

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2011;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.
Thế lệ quy định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 được thực hiện như sau:

Chương I. Những quy định chung

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 năm 2026 (Đại hội).
2. Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.
3. Cổ đông; đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.
3. Không trái với các quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương II. Điều kiện tham dự Đại hội

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Các cổ đông hoặc người ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội.
2. Tại Đại hội cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo các giấy tờ sau:
 - a. Thư mời họp.
 - b. CMND, Hộ chiếu hoặc CCCD (Đối với cá cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền - không phải là CBCNV Công ty).
 - c. Giấy ủy quyền theo mẫu.

Điều 4. Các hình thức tham dự Đại hội

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại Đại hội trong các trường hợp sau:



- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Chương III. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội

Điều 5. Quy định về Ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội được thực hiện quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Các trường hợp: Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.
4. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.
5. Người được ủy quyền dự họp Đại hội phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty.
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội; Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo.
 - d. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội:
 - a. Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
 - b. Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.
3. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội; Phát biểu dưới sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội.
4. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.
5. Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông/ đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/ đại diện cổ đông đó phải có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để thông báo và nộp lại phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức cùng với ý kiến biểu quyết của mình về các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội. Trường

hợp cổ đông/ đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như “Không có ý kiến” với tất cả các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

6. Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội

1. Ban tổ chức Đại hội được thành lập theo QĐ số 19/QĐ-CT3/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ban hành ngày 15/01/2026. Thực hiện tất cả các nhiệm vụ quy định tại Điều 2 của Quyết định.
2. Tiến hành Phiên khai mạc Đại hội:
 - a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự Đại hội và Báo cáo Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
 - b. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khai mạc Đại hội.
 - c. Giới thiệu Chủ tọa Đại hội.
 - d. Các nội dung thực hiện theo ủy quyền của chủ tọa Đại hội: Xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung sau:
 - Giới thiệu thư ký đại hội;
 - Giới thiệu Ban kiểm phiếu;
 - Quy chế tổ chức đại hội;
 - Chương trình, nội dung đại hội.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Thư ký

1. Đại hội sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
 - a. Điều khiển Đại hội theo đúng Chương trình, nội dung và quy chế đã được Đại hội thông qua.
 - b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các Báo cáo trong nội dung chương trình của Đại hội.
 - c. Trả lời hoặc chỉ định người trả lời các vấn đề do cổ đông yêu cầu trong suốt quá trình Đại hội tại Đại hội.
 - d. Trình các Tờ trình, dự thảo về các nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.
 - f. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
 - g. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự; Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;
 - h. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội cũng có thể hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp các quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
 - Thời gian hoãn tối đa không quá 3 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội:
- a. Ghi chép đầy đủ trung thực, chính xác toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội.
 - b. Soạn thảo Biên Bản và Nghị quyết Đại hội, trình bày các Biên bản và Nghị quyết trước Đại hội.
 - c. Các công việc trợ giúp khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu: Bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Ban tổ chức Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội cách sử dụng Phiếu biểu quyết.
- b. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.
- c. Lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.
- d. Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Thư ký Đại hội.
- e. Cùng với chủ tọa Đại hội xem xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan tới kết quả biểu quyết, bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Mọi công việc kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Chương III. Tiến hành Đại hội

Điều 10. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/05/2026.

2. Ban tổ chức thông qua Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

Điều 11. Cách thức tiến hành và trật tự Đại hội

1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại chương trình Đại hội.

3. Cổ đông tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức, giữ trật tự và để điện thoại di động ở chế độ im lặng trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 12. Chương trình và Nội dung tiến hành Đại hội

1. Chương trình và nội dung họp của Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phần Khai mạc và phải được xác định rõ thời gian đối với từng nội dung trong cuộc họp.

2. Trường hợp trong quá trình tổ chức cuộc họp nếu chủ tọa có đề xuất thay đổi chương trình và nội dung họp thì các thay đổi phải được Đại hội thông qua.

Điều 13. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội chủ tọa có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp tham gia ý kiến thảo luận, chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Chủ tọa đại hội.

2. Trong cùng một thời điểm chỉ có 01 cổ đông được quyền phát biểu, trường hợp nhiều cổ đông cùng có ý kiến chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.

3. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tập trung vào nội dung trọng tâm cần trao đổi phù hợp với chương trình Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được Cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

4. Nếu quá thời lượng quy định tại chương trình Đại hội Chủ tọa có thể yêu cầu Đại biểu lập các câu hỏi, kiến nghị bằng văn bản, Thư ký đại hội sẽ ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.

Điều 14: Cách thức biểu quyết thông qua Quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các vấn đề trong Chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy từng nội dung sẽ được thực hiện theo các hình thức khác nhau.

2. Biểu quyết theo hình thức giơ tay:

2.1 Việc biểu quyết theo hình thức giơ tay được dùng để thông qua các nội dung cụ thể như sau:

- a. Thông qua Chương trình, nội dung Đại hội.
- b. Thông qua thư ký Đại hội
- c. Thông qua Ban kiểm phiếu.
- d. Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.
- e. Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

2.2 Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số lượng đại biểu giơ tay tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Trường hợp Đại biểu không giơ tay cho từng lần biểu quyết được coi như không có ý kiến. Với từng nội dung xin ý kiến biểu quyết Đại biểu chỉ được giơ tay biểu quyết một lần.

2.3 Kết quả biểu quyết được công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

3. Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

3.1 Việc biểu quyết theo hình thức nộp Phiếu biểu quyết được sử dụng thông qua tất cả các các báo cáo và tờ trình tại đại hội (Trừ nội dung biểu quyết bầu bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028).

21520
GTY
HÀN
XÂY DỰNG
TRÌNH 3
HỒ CHI

3.2 Mỗi cổ đông và đại diện được phát 01 phiếu biểu quyết có ghi đầy đủ các nội dung cần biểu quyết tại đại hội theo quy định tại mục a khoản 1.2 nêu trên. Mỗi nội dung đều có ba (03) ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến”. Đại biểu sẽ đánh dấu (X) vào ô mình lựa chọn sau đó nộp vào hòm phiếu theo hướng dẫn của ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

3.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

a. Các phiếu biểu quyết hợp lệ: Là Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban kiểm phiếu phát ra có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, không tẩy xóa, cạo sửa không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (1) trong ba (3) ô vuông biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.

b. Phiếu biểu quyết không hợp lệ đối với tất cả các nội dung biểu quyết trong phiếu là các Phiếu:

- Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không có dấu của công ty; hoặc
- Phiếu bị gạch, tẩy xóa, sửa chữa, rách không còn nguyên vẹn; hoặc
- Phiếu ghi thêm những nội dung khác không do chủ tọa cuộc họp yêu cầu;

c. Phiếu không đánh dấu lựa chọn vào tất cả các ô ý kiến (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) hoặc đánh dấu từ hai (2) ô trở lên cho cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó không hợp lệ.

d. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

e. Phiếu biểu quyết đến Ban tổ chức sau thời điểm niêm phong hòm phiếu sẽ không được kiểm.

3.4 Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi: Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

4. Biểu quyết bằng phiếu bầu cử: Nội dung bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 được thực hiện theo quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 15: Thể lệ thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông 2026 được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

1. Nghị quyết về tất cả các nội dung đã nêu trong chương trình Đại hội đã được thông qua tại phần khai mạc Đại hội (Trừ nội dung biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT và TV BKS nhiệm kỳ 2023-2028) được thông qua nếu được số cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp tán thành cụ thể:

- a. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát.
- d. Các tờ trình.

2. Nghị quyết về nội dung biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028) được thông qua được quy định tại quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Điều 16. Biên bản và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản.
- b. Biên Bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.
- c. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- a. Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
- b. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Điều khoản khác

1. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thành thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và khoản 3 điều 20 Điều lệ Công ty.

2. Các nội dung khác không được nêu trong quy chế này được thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ Công ty.

Chương V. Điều khoản thi hành

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo quy chế này.

2. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại quy chế này.

Trên đây là toàn bộ quy chế Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Vương Tấn Hát





Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DỰ THẢO

QUY CHẾ

Đề cử, ứng cử, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 Nhiệm kỳ 2023-2028

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 quy định việc miễn nhiệm và bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 được thực hiện như sau:

Điều 1: Số lượng bổ sung, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Số lượng bổ sung, nhiệm kỳ và Tiêu chuẩn bầu thành viên Hội đồng quản trị:**
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) thành viên.
 - Số lượng miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: 01 (một) thành viên.
 - Số lượng bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: 01 (một) thành viên
 - Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.
 - Người được ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp hiện hành; khoản 4 Điều 27 Điều lệ công ty. Cụ thể:
 - Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
- Số lượng bổ sung, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn bầu thành viên Ban kiểm soát:**
 - Số lượng thành viên Ban kiểm soát gồm 03 (ba) thành viên.
 - Số lượng miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát: 02 (hai) thành viên.
 - Số lượng bổ sung thành viên Ban kiểm soát: 02 (hai) thành viên
 - Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.



- Người được ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp hiện hành; Khoản 2 Điều 39 Điều lệ công ty. Cụ thể:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về Kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty, người đại diện phần vốn của nhà nước tại Công ty.
 - f. Không làm việc tại bộ phận tài chính kế toán của Công ty.
 - g. Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
 - h. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 2: Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/05/2026 có mặt tại đại hội hoặc người ủy quyền tham dự) có quyền đề cử một ứng cử viên Hội đồng quản trị đề cử ứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đầy đủ ứng viên.
2. Số lượng ứng viên tối thiểu bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên.
3. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy chế này.
4. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố

thông tin tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn; học vấn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý mà ứng cử viên đang nắm giữ tại công ty và công ty khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 3: Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (theo danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 26/05/2026 có mặt tại đại hội hoặc người ủy quyền tham dự) có quyền đề cử một ứng cử viên Ban kiểm soát đề cử ứng cử viên theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đầy đủ ứng cử viên.
2. Số lượng ứng cử viên tối thiểu bằng số lượng thành viên Ban kiểm soát cần bầu. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên.
3. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội cổ đông thông qua trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy chế này.
4. Việc công bố thông tin về ứng cử viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 4 Điều 2 quy chế này.

Điều 4: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bao gồm:
 - a. Đơn ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát (theo mẫu).
 - b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).

42152
NG TY
PHÂN
VÀ XÂY D
G TRÌNH
HỒ C

- c. Bản sao CCCD hoặc hộ chiếu và các văn bằng chứng chỉ chứng minh trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
 - d. Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán (tính đến ngày 26/05/2026 - ngày chốt danh sách cổ đông để tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty).
 - Các mẫu Đơn đề cử, ứng cử ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và Sơ yếu lý lịch của ứng viên được đăng tải trên Website của công ty.
 - Người đề cử/ứng cử vào HĐQT, BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực và nội dung trong hồ sơ của mình.
2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử được gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 16 giờ 30 ngày 10/6/2026 theo địa chỉ trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ: 136/1 Trần Phú, phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh.
Hồ sơ cần ghi rõ: “*Hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT; BKS nhiệm kỳ 2023-2028*”.
 3. Chỉ những hồ sơ đề cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT; BKS quy định tại quy chế này và Điều lệ công ty mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại đại hội.
 4. Sau ngày 10/6/2026 cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng viên cần thiết hoặc ứng viên không đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử ứng viên theo quy định.

Điều 5: Những nguyên tắc bầu cử

1. Việc Bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện bầu trực tiếp bằng Phiếu bầu cử. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội được Ban tổ chức Đại hội phát hai (02) Phiếu bầu cử (01 phiếu bầu thành viên HĐQT, 01 phiếu bầu thành viên BKS).
2. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử thành viên HĐQT, BKS.
 - a. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân (X) với số thành viên Hội đồng quản trị (Ban kiểm soát) cần bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên không được vượt quá với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.
 - b. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ trên cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trong trường hợp có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì người nào sở hữu hoặc đại

diện nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Trường hợp số cổ phần đại diện hoặc sở hữu ngang nhau, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu tiếp lần 2 và chỉ bầu tiếp trong số các ứng cử viên có tổng số phiếu bầu đạt được bằng nhau và số cổ phần đại diện hoặc sở hữu ngang nhau.

Điều 6: Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu và lập biên bản

1. Ban kiểm phiếu đặt thùng phiếu vào nơi tiến hành Đại hội. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào hòm phiếu.
2. Việc kiểm phiếu phải được ban kiểm phiếu tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

2.1 Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Phiếu bầu do Ban tổ chức phát ra, có đóng dấu của Công ty;
- b. Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết chấp thuận;
- c. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần sở hữu và đại diện nhân (X) với số thành viên được bầu);
- d. Không bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa.

2.2 Phiếu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu ghi tên ứng cử viên không có trong danh sách đề cử đã được công bố; hoặc
- b. Bầu vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của mình; hoặc
- c. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên; hoặc
- d. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu; hoặc
- e. Phiếu không do Ban tổ chức Đại hội phát ra.

2.3 Cách ghi phiếu bầu cử:

- a. Phiếu Bầu cử ghi sẵn các phần mã số cổ đông và số cổ phần đại diện, số phiếu bầu đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS và tên các ứng viên.
 - b. Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên, phần phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất cứ ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng viên cộng lại không vượt quá tổng số phiếu tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông.
 - c. Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên nào cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó.
 - d. Nếu cổ đông không bầu cho ứng cử viên nào thì để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
3. Kết quả kiểm phiếu phải được lập thành Biên bản kiểm phiếu và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội. Kết quả bầu cử sẽ được ghi nhận tại Nghị quyết của Đại hội.



Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Vương Tấn Hát



Số: 01/BC-BTGD-ĐH2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DỰ THẢO

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

1. Đánh giá tình hình chung

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước năm 2025 tiếp tục có nhiều biến động, bên cạnh những tín hiệu tích cực từ việc đẩy mạnh đầu tư công và triển khai các dự án hạ tầng trọng điểm, ngành xây dựng vẫn còn đang đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức. Việc nhiều công trình triển khai đồng loạt dẫn đến tình trạng khan hiếm một số loại vật liệu xây dựng, thiếu hụt nguồn nhân công tại một số địa bàn thi công, đồng thời áp lực cạnh tranh trong đấu thầu, biến động giá đầu vào và tiến độ thanh toán tại một số công trình còn chậm đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và dòng tiền, thanh khoản của các doanh nghiệp ngành xây dựng, trong đó bao gồm cả Công ty.

Mặt khác, Công ty có sự thay đổi của các nhân sự thượng tầng trọng yếu trong năm 2025. Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời định hướng và đề ra các giải pháp điều hành cụ thể. Theo sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cùng toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước tháo gỡ khó khăn và ổn định hoạt động Công ty trong năm 2025.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Về chỉ tiêu Tổng sản lượng thực hiện năm 2025 đã hoàn thành so với kế hoạch năm 2025 và bằng mức đã thực hiện năm 2024. Về chỉ tiêu Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế năm 2025 chưa đạt so với kế hoạch năm 2025 và suy giảm so với thực hiện năm 2024, cụ thể sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch (KH) 2025	Thực hiện (TH) năm 2024	Tỷ lệ % so với	
						KH 2025	TH 2024
1	Tổng sản lượng	Triệu đồng	283.995	283.327	281.983	100,24 %	100,71%



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch (KH) 2025	Thực hiện (TH) năm 2024	Tỷ lệ % so với	
						KH 2025	TH 2024
2	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	208.693	297.403	248.696	70,17%	83,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.747	2.800	3.161	98,11%	86,9%

3. Đánh giá các hoạt động chính của Công ty

a. Công tác xây lắp

Trong năm 2025, hoạt động thi công xây lắp của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của nguồn vốn, tiến độ thanh toán tại một số công trình và điều kiện triển khai thi công thực tế. Trước tình hình đó, Công ty tập trung nguồn lực để duy trì hoạt động sản xuất, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm theo kế hoạch được Chủ đầu tư phê duyệt. Tổng sản lượng xây lắp thực hiện trong năm đạt khoảng gần 284 tỷ đồng.

Công tác quản lý, điều hành thi công tiếp tục được tăng cường. Việc kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng và an toàn lao động tại các công trình được thực hiện chặt chẽ. Công ty thường xuyên rà soát, điều phối nguồn lực phù hợp với tình hình thực tế nhằm hạn chế ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hiệu quả thực hiện dự án. Tuy nhiên, một số công trình trọng điểm vẫn còn tồn tại vướng mắc trong công tác thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ thực hiện và công tác thu hồi vốn của Công ty.

b. Công tác đấu thầu

Trong năm 2025, công tác đấu thầu gặp nhiều khó khăn do thị trường xây dựng tiếp tục cạnh tranh gay gắt, số lượng dự án triển khai hạn chế và yêu cầu ngày càng cao về năng lực tài chính, kinh nghiệm và năng lực thi công. Công ty đã tham gia đấu thầu 01 gói thầu nhưng chưa đạt kết quả như kế hoạch đề ra.

Tuy nhiên, Công ty vẫn chủ động rà soát, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực và cập nhật dữ liệu phục vụ công tác đấu thầu nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo sự chủ động trong việc tiếp cận và tham gia các dự án phù hợp trong thời gian tới.

c. Công tác thí nghiệm, kiểm định công trình

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện công tác thí nghiệm vật tư, vật liệu xây dựng phục vụ các công trình thi công, đồng thời phối hợp với các đơn vị đối tác triển khai công tác kiểm định theo yêu cầu của dự án.

Công tác quản lý chất lượng thí nghiệm, kiểm định được duy trì thực hiện theo quy định; thiết bị, hồ sơ và điều kiện hoạt động từng bước được rà soát, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ thi công và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d. Công tác tài chính, kế toán

Trong năm 2025, Công ty tập trung ưu tiên công tác cân đối dòng tiền và thanh khoản, thu hồi công nợ và kiểm soát chi phí nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện tài chính còn nhiều khó khăn.

Hoàn thành công tác thanh, quyết toán các công trình và vật tư phát sinh trong năm 2025.

Hoàn thành công tác kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 theo quy định.

e. Công tác tổ chức, lao động và tiền lương

Tổng số nhân viên của Công ty đến ngày 31/12/2025 là 83 người, trong đó lao động trực tiếp 42 người, chiếm khoảng 51% tổng số lao động; lao động nữ 13 người.

Công ty đã hoàn thành chi trả lương từ tháng 7/2025 đến tháng 12/2025 và chi lương tháng 13/2025. Tuy nhiên do khó khăn về tài chính và công tác thu hồi vốn còn chậm, Công ty vẫn còn nợ lương nhân viên từ tháng 01/2025 đến tháng 06/2025 khoảng 3,995 tỷ đồng và nợ BHXH khoảng 3,366 tỷ đồng.

Để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026, Ban Điều hành kính đề nghị tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Hội đồng quản trị cùng sự đồng hành, hỗ trợ và giám sát của Quý cổ đông trong quá trình triển khai thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

TỔNG GIÁM ĐỐC





Số: 01/BC-HĐQT-ĐH2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026

DU THẢO

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty về tình hình hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2025

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT năm 2025:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vương Tấn Hát	Chủ tịch HĐQT	26/09/2025	
2	Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	26/09/2025	
3	Ông Trần Quốc Đoàn	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	01/07/2022	
4	Ông Nguyễn Việt Thịnh	TV HĐQT	26/09/2025	
5	Bà Hồ Thị Phương Nga	TV HĐQT	26/09/2025	
6	Ông Phạm Văn Đường	Chủ tịch HĐQT	02/04/2025	26/09/2025
7	Ông Phan Hồng Ngọc	TV HĐQT	03/01/2025	26/09/2025
8	Ông Trần Việt Dũng	TV HĐQT - PTGD	23/06/2023	26/09/2025
9	Ông Lê Hữu Giáp	TV HĐQT - PTGD	23/06/2023	26/09/2025

Trong năm 2025, HĐQT tập trung thực hiện công tác kiện toàn bộ máy quản lý, sắp xếp tổ chức và tái cấu trúc hoạt động điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trong giai đoạn khó khăn.



2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; thực hiện chức năng quản trị và giám sát hoạt động điều hành của Ban Điều hành (Ban Tổng Giám đốc).

Chủ tịch và các Thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ theo phân công và tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT.

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 24 cuộc họp; ban hành 20 Nghị quyết và 21 Quyết định theo thẩm quyền.

Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung vào các nội dung trọng tâm:

- Kiện toàn công tác nhân sự quản lý và bộ máy điều hành;
- Tái cấu trúc tổ chức và các đơn vị trực thuộc;
- Quản trị tài chính, tín dụng và dòng tiền;
- Ban hành, sửa đổi các quy chế quản trị nội bộ;
- Triển khai công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Định hướng đầu tư, khai thác tài sản và quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác.

3. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

4. Báo cáo về giao dịch với bên liên quan

Năm 2025, Công ty đã thực hiện một số giao dịch với các bên có liên quan, cụ thể được trình bày tại điểm 2.2 *Giao dịch với bên liên quan* thuộc Khoản 2 Mục VII của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.

5. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Trong năm 2025, HĐQT thực hiện chức năng chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thông qua các phiên họp định kỳ, bất thường và các cuộc họp giao ban với Ban điều hành cùng các đơn vị chuyên môn. Qua đó, HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động, đưa ra các chủ trương, giải pháp phục vụ công tác quản trị, điều hành và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong các nội dung trọng tâm sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT;
- Công tác điều hành hoạt động SXKD, tài chính, đầu tư và quản trị nội bộ;
- Công tác tài chính, giải ngân, thu hồi công nợ, cơ cấu tài sản và quản trị dòng tiền;
- Việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
- Tình hình triển khai các dự án, công tác đấu thầu, tiến độ, chất lượng và an toàn thi công.

Qua công tác giám sát, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã nỗ lực duy trì hoạt động SXKD, ổn định việc làm cho người lao động trong bối cảnh Công ty gặp nhiều khó khăn về tài chính và thị trường.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu về doanh thu, công tác thu hồi công nợ, tiến độ thanh quyết toán và hiệu quả sử dụng vốn chưa đạt như kỳ vọng. Việc kiểm soát doanh thu, chi phí, công nợ và dư nợ vay chưa thực sự chặt chẽ, làm gia tăng chi phí tài chính và tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động SXKD.

HĐQT đã yêu cầu Ban điều hành tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, kiểm soát chi phí, tăng cường thu hồi công nợ và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong thời gian tới.

II. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

1. Kết quả kinh doanh năm 2025

Về chỉ tiêu Tổng sản lượng thực hiện năm 2025 đã hoàn thành so với kế hoạch năm 2025 và bằng mức đã thực hiện năm 2024. Về chỉ tiêu Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế năm 2025 thì chưa đạt so với kế hoạch năm 2025 và suy giảm so với thực hiện năm 2024, cụ thể sau:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch (KH) 2025	Thực hiện (TH) năm 2024	Tỷ lệ % so với	
						KH 2025	TH 2024
1	Tổng sản lượng	Triệu đồng	283.995	283.327	281.983	100,24%	100,71%
2	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	208.693	297.403	248.696	70,17%	83,91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.747	2.800	3.161	98,11%	86,9%

2. Bổ sung đơn vị kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC năm 2025

HĐQT đã lấy ý kiến của ĐHCĐ chấp thuận cho bổ sung đơn vị kiểm toán độc lập về kiểm toán BCTC năm 2025 là công ty TNHH Kiểm toán NVA.

3. ĐHCĐ giao HĐQT chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD, xây dựng hạn mức vay vốn ngân hàng, chuyển đổi số hóa công tác quản trị, điều hành

HĐQT đã chủ động triển khai hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở L/C tại BIDV - Chi nhánh TP.HCM, gia hạn năm 2025 và cấp mới cho năm 2026 nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.

Đồng thời HĐQT cũng đã và đang triển khai việc chuyển đổi số hóa chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán bằng phần mềm kế toán FAST để nâng cao hiệu quả trong việc lập các BCTC và các báo cáo quản trị nội bộ.

Mặt khác, Công ty đã triển khai và đang trong quá trình chạy thử, vận hành hệ thống ERP đối với một số lĩnh vực, bao gồm quản lý hồ sơ, các quy trình về thanh toán, quản lý hoạt động xây lắp, quản lý hành chính-nhân sự-tiền lương và các lĩnh vực quản lý khác.

HĐQT đề nghị ĐHCĐ chấp thuận cho HĐQT, Ban Điều hành tiếp tục rà soát, đánh giá và triển khai các phần mềm mới, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2027.

4. Khai thác khu đất 136/1 Trần Phú, P.Chợ Quán, TP.HCM

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất đối với khu đất số 136/1 Trần Phú, P.Chợ Quán, TP.HCM, với tổng diện tích là 1.662,9 m², trong đó diện tích không phạm lộ giới là 1.598 m². Theo hồ sơ hiện trạng được phê duyệt, khu đất có mục đích sử dụng là trụ sở văn phòng (đất thương mại - dịch vụ), hình thức sử dụng đất là thuê đất trả tiền hằng năm. Hiện cơ quan chức năng đang thực hiện xác định giá đất, tiền thuê đất để làm cơ sở ban hành Quyết định gia hạn sử dụng đất theo quy định. Thời hạn sử dụng đất dự kiến được gia hạn đến năm 2054 đối với phần diện tích không phạm lộ giới.

Công ty đã triển khai các thủ tục pháp lý gia hạn sử dụng đất nêu trên, dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý III/2026, đồng thời tìm kiếm nhà đầu tư phù hợp để xây dựng phương án khai thác khu đất hiệu quả trong thời gian tới.

HĐQT đề nghị ĐHCĐ chấp thuận cho HĐQT, Ban Điều hành tiếp tục thực hiện chủ trương khai thác và tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư thực hiện dự án đối với khu đất 136/1 Trần Phú, P.Chợ Quán, TP.HCM nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2027.

5. Sắp xếp, cơ cấu và sáp nhập các Xí nghiệp (XN) thành Công ty TNHH hoặc Công ty Cổ phần

Công ty đã triển khai thực hiện chủ trương sắp xếp, cơ cấu và sáp nhập các XN thành Công ty TNHH, như sau:

- Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế (mới được thành lập vào tháng 03/2026): được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị là XN Tư vấn Thiết kế và Kiểm định công trình; Phòng Thí nghiệm Vật liệu xây dựng.
- Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng: được thành lập trên cơ sở sáp nhập 2 đơn vị là XN Cơ khí và Xây dựng; XN Cơ khí và Xây dựng Đường sắt.
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình 305 (mới được thành lập vào tháng 03/2026): được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị là XN 301; XN 302 và XN 305 và hiện tại đang tiếp tục thực hiện thủ tục sáp nhập XN 303 và XN 304 vào Công ty này.
- Đối với công ty con là công ty cổ phần Xây dựng Nam Tiến, Công ty đã thực hiện thoái vốn trong tháng 12/2025.

Vương Tân Hát

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

nam 2026 – 2027.

- Tên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng hoạt động kinh hình tài chính và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.
- thể người lao động, thì HĐQT tin tưởng rằng Công ty sẽ ổn định hoạt động, cải thiện trực, kiện toàn công tác quản trị cùng sự đồng hành của Quý cổ đông, đối tác và toàn trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, với định hướng phát triển kinh doanh, tài cấu HĐQT nhận thức rõ những khó khăn, thách thức mà Công ty đang đối mặt
3. Năm 2027 dự kiến thực hiện trả cổ tức cho cổ đông là 10% vốn điều lệ.
 - đầu đạt ngưỡng doanh thu thuần năm 2027 là 1000 tỷ đồng.
 2. Doanh thu thuần năm 2026 của Công ty đạt 452.178 triệu đồng và phần năm 2027 phát triển thêm mảng đầu tư dự án và đầu tư tài chính.
 - SXKD chính của Công ty. Từng bước trong năm 2026 và mở rộng trong
 1. Năm 2026 vẫn duy trì, cải thiện và phát triển mảng xây lắp là hoạt động
- III. Định hướng trong hoạt động Công ty trong năm 2026 - 2027**

Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Năm 2025 không thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ theo Nghị quyết

7. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025

chia sẽ khó khăn với Công ty.

Không chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2025 để cùng

6. Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025

vào các công ty con cho giai đoạn 2026 - 2027.

HBQT đề nghị BHDCEB chấp thuận cho HĐQT, Ban Điều hành tiếp tục triển khai chủ trương sắp xếp, tài cơ cấu, sắp nhập, chuyển giao hoạt động của các XN





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



Số: 01/BC-BKS-ĐH2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026

ĐỊ THẢO

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Điều lệ Công ty Cổ phần ĐT&XD Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”) và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025;

Căn cứ tình hình triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị CT3 (HĐQT) năm 2025;

Căn cứ kết quả kiểm soát và thẩm tra Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty về tình hình hoạt động của BKS năm 2025 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH.

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Qua kiểm tra, kết hợp với quá trình kiểm soát trong năm, Ban Kiểm soát đưa ra một số đánh giá sau:

1. Đánh giá Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 của Công ty

a. Qua thẩm định, BKS thống nhất với nội dung ý kiến của kiểm toán

- Đối với BCTC riêng năm 2025: Ý kiến của kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Đối với BCTC hợp nhất năm 2025: Ý kiến của kiểm toán là ý kiến ngoại trừ một phần hay chấp nhận một phần, chủ yếu là do BCTC năm 2024 của công ty con là Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến (công ty con được thoái vốn tại thời điểm 23/12/2025) tự lập chưa được kiểm toán, nên Công ty Kiểm toán NVA không thu thập được bằng chứng kiểm toán để đánh giá, so sánh số liệu năm 2025.

b. Các chỉ tiêu trọng yếu trong BCTC

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2025	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Tổng tài sản	504.950.860.869	504.883.320.549
2	Tài sản ngắn hạn	481.282.345.606	472.394.848.534
3	Tài sản dài hạn	23.668.515.263	32.488.472.015
4	Nợ phải trả	387.536.857.727	387.469.317.407



5	Vốn chủ sở hữu	117.414.003.142	117.414.003.142
6	Doanh thu thuần	208.693.382.958	208.693.382.958
7	Lợi nhuận trước thuế	2.747.430.809	1.469.496.156
8	Lợi nhuận sau thuế	1.434.703.807	156.769.154

c. Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan trong năm 2025

Trong BCTC năm 2025 kiểm toán, Công ty đã thực hiện một số giao dịch với các bên có liên quan, cụ thể được trình bày tại điểm 2.2 *Giao dịch với bên liên quan* thuộc Khoản 2 Mục VII của Bản thuyết minh BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 được kiểm toán.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH)

HĐQT đã tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025, đảm bảo vai trò quản trị, chỉ đạo và giám sát BDH trong việc điều hành hoạt động SXKD Công ty.

BDH đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2025, đảm bảo vai trò điều hành hoạt động SXKD Công ty.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Cơ cấu nhân sự Ban kiểm soát, gồm 03 thành viên

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Nguyễn Kim Chinh	Trưởng BKS	11/07/2024	26/09/2025	Cử nhân Kinh tế
2	Ông Phạm Văn Đắc	Thành viên BKS	23/06/2023		Kỹ sư quản lý xây dựng
3	Ông Nghiêm Hữu Anh Vũ	Thành viên BKS	23/06/2023	26/09/2025	Kỹ sư xây dựng cầu đường
4	Ông Lê Hùng Cường	Trưởng BKS	26/09/2025		Cử nhân Kinh tế
5	Bà Phùng Thị Hoàng Yến	Thành viên BKS	26/09/2025		Cử nhân Kế toán

2. Cuộc họp của BKS

Trong năm 2025, BKS hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ; thực hiện chức năng kiểm soát hoạt động của HĐQT và BDH.

Các cuộc họp BKS trong năm 2025 đã thực hiện các công việc cụ thể như:

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong BKS năm 2025 thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được quy định.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ, việc ban hành các quy chế quản lý của HĐQT và các nội dung khác có liên quan.
- BKS cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT và BDH, để cùng đồng hành và hỗ trợ việc quản trị, điều hành hoạt động SXKD Công ty.

3. Sự phối kết hợp giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý khác

BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định từ HĐQT, BDH và các phòng ban nghiệp vụ. BKS đã cùng với HĐQT, BDH phối hợp nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty trên cơ sở đó đã có những đề xuất, trao đổi tham gia góp ý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ, các Quy chế nội bộ, các quy định của pháp luật có liên quan.

III. NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát việc quản trị và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2026.
- Xem xét kiểm tra và hỗ trợ công tác lập BCTC năm 2026, các Chính sách quan trọng về tài chính kế toán Công ty.
- Theo dõi, hỗ trợ cho HĐQT, BDH trong việc khắc phục theo các khuyến nghị của Kiểm toán độc lập về BCTC năm 2025.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và Nhiệm vụ BKS năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Hùng Cường





Số: QP/CTTr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”).

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty các nội dung như sau:

I. Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của CT3:

Là Công ty TNHH Kiểm toán NVA.

II. Một số các chỉ tiêu tóm tắt trọng yếu trong Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2025	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Tổng tài sản	504.950.860.869	504.883.320.549
2	Tài sản ngắn hạn	481.282.345.606	472.394.848.534
3	Tài sản dài hạn	23.668.515.263	32.488.472.015
4	Nợ phải trả	387.536.857.727	387.469.317.407
5	Vốn chủ sở hữu	117.414.003.142	117.414.003.142
6	Doanh thu thuần	208.693.382.958	208.693.382.958
7	Lợi nhuận trước thuế	2.747.430.809	1.469.496.156
8	Lợi nhuận sau thuế	1.434.703.807	156.769.154

Toàn bộ nội dung đầy đủ của BCTC riêng và hợp nhất năm 2025 kiểm toán được đăng trên trang Thông tin điện tử của Công ty, tại Website: ct3.com.vn.

III. Ý kiến của Kiểm toán:

1. Đối với Báo cáo tài chính riêng:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù

hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến (công ty con đến thời điểm 23/12/2025) chưa được kiểm toán. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán để đánh giá chính xác các số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 công ty con tự lập. Do đó số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đầu năm, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm trước đang hợp nhất căn cứ theo số liệu công ty con tự lập mà chưa có sự điều chỉnh cần thiết nào để so sánh với số liệu năm nay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trên đây là Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán, kính trình Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua!

Tài liệu đính kèm Tờ trình:

- Phụ lục 1 – Tóm tắt BCTC riêng năm 2025 kiểm toán
- Phụ lục 2 – Tóm tắt BCTC hợp nhất năm 2025 kiểm toán

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ : 136/1 Trần Phú , Phường Chợ Quán, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.38339390 - Fax : 08.38351102

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

NĂM 2025 (Đã được kiểm toán)

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	MS	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	100	481.282.345.606	441.195.516.933
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	40.136.942.238	41.256.403.267
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	258.350.339.073	237.348.589.672
4	Hàng tồn kho	140	179.035.770.316	152.720.925.663
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	3.759.293.979	9.869.598.331
II	Tài sản dài hạn	200	23.668.515.263	125.719.594.430
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	309.223.817	30.487.317.784
2	Tài sản cố định	220	3.962.289.684	26.539.611.992
	- Tài sản cố định hữu hình	221	2.962.289.684	25.539.611.992
	- Tài sản cố định vô hình	227	1.000.000.000	1.000.000.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		27.762.095.573
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14.908.845.903	14.917.106.599
5	Tài sản dài hạn khác	260	4.488.155.859	26.013.462.482
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	504.950.860.869	566.915.111.363
IV	Nợ phải trả	300	387.536.857.727	450.935.812.028
1	Nợ ngắn hạn	310	387.291.253.829	444.054.126.351
2	Nợ dài hạn	330	245.603.898	6.881.685.677
V	Vốn chủ sở hữu	400	117.414.003.142	115.979.299.335
1	Vốn chủ sở hữu	410	117.414.003.142	115.979.299.335
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	87.998.490.000	87.998.490.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	412	5.396.161.000	5.396.161.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	413		
	- Cổ phiếu quỹ	415	(930.000)	(930.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
	- Các quỹ	418	19.243.933.373	19.243.933.373
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.776.348.769	3.341.644.962
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	- Nguồn kinh phí	431		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	504.950.860.869	566.915.111.363

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	MS	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	208.693.382.958	248.696.122.006
4	Giá vốn hàng bán	11	170.614.884.612	205.683.006.760
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	38.078.498.346	43.013.115.246
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	177.119.388	142.338.516
7	Chi phí tài chính	22	8.698.665.444	16.546.333.262
8	Chi phí bán hàng	24		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	36.744.352.764	23.201.785.044
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(7.187.400.474)	3.407.335.456
11	Thu nhập khác	31	12.228.290.105	638.276.355
12	Chi phí khác	32	2.293.458.822	884.549.291
13	Lợi nhuận khác	40	9.934.831.283	(246.272.936)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.747.430.809	3.161.062.520
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	1.312.727.002	2.861.730.535
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.434.703.807	299.331.985
17	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu			

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		4,69%	22,18%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		95,31%	77,82%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		76,75%	79,54%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		23,25%	20,46%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh (TSNH-HTK)/NNH		0,78	0,65
	- Khả năng thanh toán hiện hành (TTS/NPT)		1,30	1,26
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần		18,25%	17,30%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,28%	0,05%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,69%	0,12%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		1,22%	0,26%

TP.HCM, ngày tháng 06 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

Địa chỉ : 136/1 Trần Phú , Phường Chợ Quán, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08.38339390 - Fax : 08.38351102

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

NĂM 2025 (Đã được kiểm toán)

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT : VND

STT	Nội dung	MS	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	100	472.394.848.534	501.259.061.140
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	40.148.837.920	41.357.535.979
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	249.150.339.073	282.001.651.913
4	Hàng tồn kho	140	179.035.770.316	166.989.273.978
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	4.059.901.225	10.910.599.270
II	Tài sản dài hạn	200	32.488.472.015	125.300.463.498
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	309.223.817	30.706.093.167
2	Tài sản cố định	220	3.962.289.684	27.090.009.621
	- Tài sản cố định hữu hình	221	2.962.289.684	26.090.009.621
	- Tài sản cố định vô hình	227	1.000.000.000	1.000.000.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính	224		
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	15.288.916.543	41.490.898.228
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
5	Tài sản dài hạn khác	260	12.928.041.971	26.013.462.482
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	504.883.320.549	626.559.524.638
IV	Nợ phải trả	300	387.469.317.407	508.298.018.050
1	Nợ ngắn hạn	310	387.223.713.509	502.021.332.373
2	Nợ dài hạn	330	245.603.898	6.276.685.677
V	Vốn chủ sở hữu	400	117.414.003.142	118.261.506.588
1	Vốn chủ sở hữu	410	117.414.003.142	118.261.506.588
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	87.998.490.000	87.998.490.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	412	5.396.161.000	5.396.161.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	413		
	- Cổ phiếu quỹ	415	(930.000)	(930.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
	- Các quỹ	418	19.243.933.373	19.243.933.373
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.776.348.769	4.609.439.312
	- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	439		1.014.412.903
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
	- Nguồn kinh phí	431		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	504.883.320.549	626.559.524.638

520
Y
N
D
H
3
CH
M

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**ĐVT: VNĐ**

STT	Chỉ tiêu	MS	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	208.693.382.958	248.696.122.006
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	208.693.382.958	248.696.122.006
4	Giá vốn hàng bán	11	170.614.884.612	205.683.006.760
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	38.078.498.346	43.013.115.246
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.422.064.522	142.374.305
7	Chi phí tài chính	22	11.199.320.727	15.273.733.610
8	Chi phí bán hàng	25		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36.766.577.268	23.206.626.135
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(8.465.335.127)	4.675.129.806
11	Thu nhập khác	31	12.228.290.105	638.276.355
12	Chi phí khác	32	2.293.458.822	884.549.291
13	Lợi nhuận khác	40	9.934.831.283	(246.272.936)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.469.496.156	4.428.856.870
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	1.312.727.002	2.861.730.535
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	156.769.154	1.567.126.335
17	Lợi nhuận sau thuế của cty mẹ	61	166.909.457	1.567.126.335

C. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		6%	20%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		94%	80%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn		77%	81%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn		23%	19%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,76	0,67
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,30	1,23
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần		18,25%	17,30%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,03%	0,25%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		16,50%	0,63%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,13%	1,33%

TP.HCM, ngày tháng 06 năm 2026

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

C.T.C.P
H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02/TTr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty về Kế hoạch kinh doanh - tài chính năm 2026, với các chỉ tiêu trọng yếu như sau:

1. Doanh thu thuần: 452.178 triệu đồng.
2. Lợi nhuận trước thuế TNDN: 4.500 triệu đồng.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động xem xét và quyết định điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2026 khi xét thấy cần thiết cho CT3 và phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, sẽ báo cáo kết quả cho ĐHĐCĐ vào kỳ họp thường niên tiếp theo.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 03/TTr-BKS-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”).

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty các nội dung sau:

- I. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2026 của Công ty, bao gồm:
 - 1) Công ty TNHH Kiểm toán NVA;
 - 2) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C);
 - 3) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- II. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một (01) công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký Hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 với Công ty.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Hùng Cường



Số: 04/Tr-HĐQT-DH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



TỜ TRÌNH
Về Phương án phân phối lợi nhuận
thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty các nội dung sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2025:

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 1.434 triệu đồng
2. Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2025: 4.776 triệu đồng

Năm 2025 không thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

II. Phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2026:

1. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026: 3.600 triệu đồng.
2. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2026: 8.376 triệu đồng

Kế hoạch năm 2026 không thực hiện chia cổ tức và trích lập các quỹ. Nguồn lợi nhuận tạm thời được giữ lại để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05 /TTr-HĐQT-DH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



DU THẢO

TỜ TRÌNH
Về Thù lao HĐQT và BKS
thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty các nội dung sau:

1. Thực hiện thù lao HĐQT và BKS năm 2025:

Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) không nhận thù lao năm 2025 để chia sẻ cùng với Công ty về các khó khăn trong hoạt động hiện nay.

2. Kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026:

Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2026, với tổng mức chi trả là 500 triệu đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch năm 2026.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Vương Tấn Hát



Số: 06/Tr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2026



ĐỊ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ và
ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (“Công ty” hay “CT3”).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty các nội dung như sau:

I. Thông qua phương án sơ bộ phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ vay:

- 1) Mục đích: Để tăng vốn điều lệ, giảm nợ vay phải trả, tiết kiệm chi phí lãi vay và cải thiện hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty.
- 2) Đối tượng: Các chủ nợ của Công ty là tổ chức, cá nhân có hợp đồng vay, có chứng từ giải ngân cho vay thực sự và có xác nhận công nợ rõ ràng giữa hai bên. Các đối tượng này được chọn lọc và đồng ý bằng văn bản về việc chuyển đổi nợ vay thành cổ phần Công ty.
- 3) Giá phát hành (Giá hoán đổi): Dựa trên giá bình quân thị trường 30-60 ngày gần nhất và thỏa thuận giữa hai bên, nhưng không thấp hơn mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.
- 4) Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành riêng lẻ để hoán đổi nợ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định.
- 5) Phương thức hoán đổi:
 - Công ty ký kết Hợp đồng hoán đổi nợ với từng chủ nợ.
 - Việc thanh toán tiền mua cổ phiếu được thực hiện bằng hình thức cầm trừ vào nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty với chủ nợ đó.
 - Sau khi hoán đổi, nghĩa vụ nợ tương ứng của Công ty đối với chủ nợ sẽ chấm dứt, thay vào đó là quyền sở hữu cổ phần của chủ nợ tại Công ty.

- 6) Tổng giá trị nợ dự kiến hoán đổi và số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để hoán đổi: sẽ được HĐQT xây dựng trong Phương án cụ thể về phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ vay và trình lấy ý kiến của ĐHĐCĐ.
- 7) Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2026 hay 2027, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết sau:

- 1) Lựa chọn và thương lượng trong danh sách chủ nợ Công ty, xác định thời điểm chốt nợ, phê duyệt các điều khoản trong Hợp đồng hoán đổi nợ.
- 2) Quyết định mức Giá hoán đổi như phương án sơ bộ tại mục I nêu trên.
- 3) Xây dựng Phương án cụ thể về phát hành cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ vay và trình lấy ý kiến của ĐHĐCĐ.
- 4) Hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục đăng ký chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý có liên quan.
- 5) Thực hiện đăng ký tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ và đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/Tr-HĐQT-ĐH2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026



DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**V/v: Bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3;

Để đảm bảo cho hoạt động nội bộ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 (CT3) được thực hiện đúng quy định của pháp luật, thuận tiện và hiệu quả, Hội đồng quản trị CT3 đã rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3 dựa trên quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Nội dung sửa đổi, bổ sung chi tiết các điều khoản của Điều lệ được trình bày tại bản Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của CT3 và Phụ lục bổ sung, sửa đổi một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động CT3 đính kèm Tờ trình này.

Kính đề nghị các quý cổ đông thảo luận và biểu quyết!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vương Tấn Hát

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC
VÀ HOẠT ĐỘNG

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của công ty.....	8
Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	9
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	12
Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị khác	13
Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	13
Điều 8. Chứng nhận chỉ phiếu.....	14
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác	14
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.....	15
Điều 11. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 15	
Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	16
Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	16
Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
Điều 13. Quyền của cổ đông	16
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	18
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	23
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 21. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 22. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28

Điều 23. Điều kiện đề nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	28
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	34
Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	36
Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 31 Chủ tịch Hội đồng quản trị	39
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	41
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	42
Điều 34 Người phụ trách quản trị công ty.....	42
Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 36. Người điều hành công ty	43
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	44
Chương IX. BAN KIỂM SOÁT	45
Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	45
Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát	46
Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát Công ty	46
Điều 41. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	47
Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát	49
Điều 43 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát... ..	49
Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	49
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	50
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	51
Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	51
Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	51
Chương XII. CÁN BỘ QUẢN LÝ, CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN	52
Điều 47. Cán bộ quản lý, Công nhân viên và công đoàn.....	52

Điều 48. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	53
Điều 49. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc.....	53
Điều 50. Quản lý phần vốn góp của Công ty trong các Công ty liên quan.....	53
Điều 51. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan.....	53
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	54
Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	55
Điều 53. Phân phối lợi nhuận.....	55
Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	56
Điều 54. Tài khoản ngân hàng.....	56
Điều 55. Năm tài chính.....	56
Điều 56. Chế độ kế toán	57
Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	57
Điều 57. Báo cáo tài chính	57
Điều 58. Báo cáo thường niên.....	57
Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	57
Điều 59. Kiểm toán.....	57
Chương XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	58
Điều 60. Dấu của công ty	58
Chương XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	58
Điều 61. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh..	58
Điều 62. Tổ chức lại	58
Điều 63. Giải thể công ty.....	59
Điều 64. Phá sản Công ty	60
Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	60
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	60
Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	61
Điều 66. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ.....	61
Chương XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	61
Điều 67. Điều khoản chung.....	61

ĐIỀU LỆ
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;

Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 3 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2025 ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần; đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (Nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh). Tổ chức và hoạt động của Công ty được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng lý mua khi thành lập công ty và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này.
 - b. **“Vốn có quyền biểu quyết”** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 76/2025/QH15.

- d. **“Luật chứng khoán “** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15.
- e. **“Pháp luật”** có nghĩa là các Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm liên quan đến hoạt động của Công ty, được áp dụng hiện hành.
- f. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
- g. **“Người quản lý công ty”** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc của công ty.
- h. **“Người điều hành Công ty”** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- i. **“Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”** là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.
- j. **“Người nội bộ của Công ty”** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành công ty, bao gồm : Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Trưởng ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát, thư ký công ty (nếu có), người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
- k. **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp sau đây:
- (i) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
- (ii) Công ty con, người quản lý, và người đại diện theo pháp luật công ty con của Công ty;
- (iii) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân , tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
- (iv) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, thành viên ban kiểm soát;
- (v) Vợ chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- (vi) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của Công ty, tổ chức quy định tại các điểm (i), (ii), và (iii) khoản này;

- (vii) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm trên của khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
- l. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 5 Điều 2 của Điều lệ.
- m. **“Cổ đông”** là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- n. **“Cổ đông sáng lập”** là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
- o. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ 5% (*năm phần trăm*) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- p. **“Cổ phiếu”** là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.
- q. **“Đại hội đồng cổ đông”** hoặc “đại hội” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
- r. **“Cổ tức”** là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, hoặc bằng tài sản khác.
- s. **“Công ty con của Công ty”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
(i) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty con;
(ii) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc của công ty con.
(iii) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty con.
- t. **“Đơn vị trực thuộc”** là các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty do Công ty thành lập hoạt động theo ủy quyền của công ty.
- u. **“Đơn vị thành viên”** là các đơn vị trực thuộc và công ty con của Công ty.
- v. **“Người đại diện theo ủy quyền của Công ty”** là cá nhân được Công ty ủy quyền bằng văn bản nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- w. **“Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần”** là:
(i) Giá giao dịch bình quân trong vòng 30 ngày liền kề trước ngày xác định giá hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
(ii) Giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm liền kề trước đó hoặc giá thỏa thuận giữa người bán và người mua hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá xác định đối với phần vốn góp hoặc cổ phần không thuộc (i) điểm này.
- x. **“Giấy tờ pháp lý của cá nhân”** là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
- y. **“Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp”** là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với công ty, trừ trường hợp người đại diện

chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản quy phạm pháp luật khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp; Luật chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
 - Tên tiếng Anh:
PROJECT 3 CONSTRUCTION & INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
 - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
 - Tên viết tắt: CT3
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: 136/1 Đường Trần Phú, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (028) 3835 1102
 - Fax : (08) 38 351 102
 - Website : www.ct3.com.vn
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép
5. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do giải thể hay một lý do nào khác phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phải hoàn tất thủ tục pháp lý theo quy định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo Pháp luật của công ty

1. Chủ tịch hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty; Người đại diện pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty :

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b. Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại mục a, b và c khoản 2 Điều này.

3. Công ty phải đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện pháp luật của công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

6. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và có thể thay đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hiện nay, ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, đường dây dưới 35KV. Thí nghiệm và kiểm nghiệm vật liệu xây dựng. Khảo sát, lập dự án đầu tư, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp không do công ty thi công. Thiết kế: Tổng mặt bằng xây dựng công trình, kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp, nội ngoại thất công trình, công trình giao thông (cầu, đường bộ). Tư vấn thiết kế. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, đô thị. Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.	7110	X
2	Chuẩn bị mặt bằng - chi tiết: Đào, đắp, san lấp mặt bằng tạo bãi.	4312	
3	Sản xuất các cấu kiện kim loại - chi tiết: Sản xuất cấu kiện thép và sản phẩm cơ khí (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở).	2511	
4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Kinh doanh bất động sản.	6810	
5	Vận tải hành khách đường bộ khác - chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.	4932	
6	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động - chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở).	5610	
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - chi tiết: Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa sông, bến cảng	0810	

8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - chi tiết: Đảm bảo an toàn giao thông đường thủy	5222	
9	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - chi tiết: Sản xuất gổ cầu, sản xuất ghi, gia công phụ kiện đường sắt (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và polyol trộn sẵn HCFC-141b)	3290	
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933	
11	Sản xuất sắt, thép, gang chi tiết: sản xuất gang, thép, sắt (không hoạt động tại trụ sở)	2410	
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
13	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
14	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	
15	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311	
16	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312	
17	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314	
18	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	
19	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao (Không hoạt động tại trụ sở)	2395	
20	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320	
21	Xây dựng nhà để ở	4101	
22	Xây dựng nhà không để ở	4102	
23	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
24	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
25	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
26	Phá dỡ	4311	
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
28	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	
29	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673	

Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3

33	Vận tải hành khách đường sắt	4911	
34	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912	
35	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
36	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
37	Bốc xếp hàng hóa	5224	
38	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410	
39	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
40	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	6829	
41	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822	
42	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824	
43	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829	
44	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672	
45	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679	
46	Bán buôn tổng hợp	4690	
47	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752	
48	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753	
49	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759	
50	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản	6821	
51	Cho thuê xe có động cơ	7710	
52	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
53	Cung ứng lao động tạm thời	7821	
54	Cung ứng nguồn nhân lực khác	7822	
55	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
56	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
57	Dịch vụ vệ sinh khác	8129	
58	Dịch vụ cảnh quan	8130	
59	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394	
60	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649	
61	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781	
62	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4782	



63	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
64	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010	
65	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020	
66	Hoạt động dịch vụ trung gian cho xây dựng chuyên dụng	4340	
67	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
68	Xây dựng công trình thủy	4291	
69	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
70	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
71	Xây dựng công trình điện	4221	
72	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392	
73	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
74	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229	
75	Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6421	
76	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cổ đông, trách nhiệm với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành nghề; không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh có chọn lọc hướng phát triển thích hợp.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có thể tiến hành kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều lệ này và phải tiến hành thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Công ty có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả trong nước và ngoài nước.

Điều 6. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị khác

1. Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình và phù hợp với quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán. Vốn điều lệ của công ty khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là : **87.998.490.000 đồng (Tám mươi bảy tỷ chín trăm chín mươi tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).**
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **8.799.849 cổ phần**, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng một cổ phần).”
3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 13,14 của Điều lệ này.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp các quy định của pháp luật.
6. Công ty có thể phát hành cổ phần, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền và các loại chứng khoán khác phù hợp với các quy định của pháp luật..
7. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông và người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Mỗi chứng nhận cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại cổ phần. Cổ phiếu phải bao gồm đầy đủ các nội dung chủ yếu sau :

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- f. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- g. Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp cổ phiếu mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây :

- a. Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành phải có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi các cổ phần được quy định trong khoản 2,3 Điều này và các trường hợp pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi liên quan khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện đó.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3 hoạt động theo mô hình có cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
3. Tổng giám đốc;

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông được công nhận chính thức khi thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua hoặc góp đúng, đủ số tài sản đăng ký góp (đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản) và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham dự, phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền hoặc hình thức khác (thông qua thư, fax, thư điện tử) theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.
 - Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - Quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản này phải được lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện như sau :

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 và Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 38 Điều lệ này.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý điều hành công ty theo quy định tại Chương X của Điều lệ này;

b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông của Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Không được lợi dụng quyền cổ đông nhằm gây rối loạn hoạt động công ty;
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản loại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định;
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 3 điều 140 của Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 điều 140 của Luật doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông do Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn, ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau :

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây :
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [50%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau;

- Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp cụ thể như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

- Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định nêu trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật doanh nghiệp.

u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Ủy quyền phải được xác thực bởi công ty trước ngày họp tối thiểu 24 giờ để có hiệu lực. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị Chương trình, nội dung đại hội.

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, trường hợp cổ đông là người lao động làm việc trong công ty thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng

cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền kiến nghị, đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị, đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 điều này.
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 điều 13 Điều lệ này.
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (Năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì thông báo mời họp lần thứ 2 được gửi trong thời hạn 30 (ba

mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (Ba mươi ba) tổng số cổ phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện để tiến hành quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ 3 phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của điều lệ này

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và các nội dung cần biểu quyết trong cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc uỷ quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những

người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này:
 - a. Định hướng phát triển công ty.
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - c. Quyết định việc đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trừ được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - d. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
3. Các nghị quyết khác được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc có thể biểu quyết tại cuộc họp cổ đông.

Điều 23. Điều kiện để nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, khoản 6 điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo quy định tại Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50%- tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - đ. Tổ chức lại hay giải thể công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,3,6 Điều này và khoản 8 Điều 24 Điều lệ này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ trên cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty.

b. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

c. Định hướng phát triển Công ty.

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh

- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty theo mô hình (i) có Ban kiểm soát hoặc (ii) có Ủy ban kiểm toán hoặc (iii) mô hình khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).
- i. Tăng, giảm vốn Điều lệ của Công ty.
- j. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương án chào bán, phát hành; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và hình thức chi trả cổ tức.
- k. Quyết định chào bán các loại trái phiếu bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
- l. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- m. Xem xét, xử lý vi phạm của Thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty.
- n. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.
- o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị.
- p. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- q. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
- r. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị.
- s. Quyết định số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị.
- t. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- u. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- w. Thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành khi giá trị thay đổi từ 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành trở lên. Đối với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.
- x. Quyết định số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.
- y. Chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông.
- z. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo.
- aa. Thay đổi tên, trụ sở chính của Công ty.
- bb. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- cc. Thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi, bao gồm việc thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.
- dd. Lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.
- ee. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại mục a khoản 2 Điều 19 của Điều lệ này và khoản 1, khoản 2 điều 141 của luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- e. Phương án biểu quyết gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây :
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai có quyền được mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 của Điều lệ này;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 điều lệ này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.
- a. Số lượng đề cử quy định cụ thể đối với việc bầu đủ số thành viên HĐQT quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ này :

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đầy đủ ứng viên.

b. Thủ tục cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được thực hiện theo quy định tại Mục a khoản 5 điều 13 Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm và các cổ đông khác giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị công ty là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mỗi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa

thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong trường hợp:

- Thành viên đó không tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- Thành viên đó gửi đơn xin từ chức và được chấp thuận;
- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong trường hợp:

Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ bị bỏ trống;

c. Khi xét thấy cần thiết Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài quy định tại mục a và mục b khoản này.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 điều này. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba. Trừ trường hợp này Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Phê duyệt điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khi xét thấy sự điều chỉnh này là phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp ;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm o, và điểm r Điều 16 Điều lệ này.
- i. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
- j. Chấp thuận các hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- k. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l. Phê chuẩn đề nghị của Tổng giám đốc về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc quyết định và quản lý gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng; Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh và tương đương. Trong trường hợp đặc biệt hoặc cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh cán bộ quản lý do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- m. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- n. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - r. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - s. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - t. Quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;
 - u. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật doanh nghiệp và phải đảm bảo có nội dung sau:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
 - e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
 - f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31 Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra 01 người làm chủ tịch hội đồng quản trị và trong từng thời kỳ có thể bầu một (01) hoặc nhiều phó chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát, chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- g. Đảm bảo cho các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ;
- j. Phê duyệt ban hành các văn bản quy phạm nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- k. Thay mặt Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ, chỉ đạo, giám sát trực tiếp việc thực hiện công việc của Ban Tổng giám đốc và các Người quản lý khác trong Công ty;
- l. Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát dựa trên báo cáo của Tổng Giám đốc và/hoặc Ban điều hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị không chịu trách nhiệm liên đới đối với các quyết định điều hành vi phạm pháp luật của Tổng Giám đốc và/hoặc Ban điều hành nếu đã thực hiện đúng quyền hạn giám sát và không có chỉ đạo trực tiếp bằng văn bản về hành vi sai phạm đó.
- m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc ủy quyền này phải được thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc biết.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Phó chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như chủ tịch trong trường hợp được chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt và phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp cả Chủ tịch và phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lí do nào đó Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, hoặc thư điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 34 Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị (đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị) trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác, Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của Pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định sau:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - b. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch đầu tư cho năm tài chính; Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền, thiết lập duy trì hệ thống kiểm soát có hiệu quả. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty gồm: Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Phó giám đốc xí nghiệp, Phó giám đốc chi nhánh, văn phòng đại diện và các viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, công nhân viên trong Công ty.
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g. Phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các phòng, các đơn vị trực thuộc theo quy chế quản lý tổ chức cán bộ do Hội đồng quản trị ban hành; Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động và Quy chế tuyển dụng lao động của Công ty;

h. Trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính bán niên và thường niên của công ty. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác. Kiến nghị Phương án chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh lên Hội đồng quản trị công ty.

i. Quyết định những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành;

j. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và hợp đồng lao động với công ty.

5. Tổng giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty, trái nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trái với các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát.

6. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp v.v. và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trong trường hợp này không tính biểu quyết của thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc) dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Tổng giám đốc của Công ty sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 27 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần biểu của từng người lại với nhau để đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát.

2.1 Số lượng đề cử quy định cụ thể đối với việc bầu đủ số thành viên Ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 ứng viên.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đầy đủ ứng viên.

2.2 Thủ tục cử người vào Ban kiểm soát của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được thực hiện theo quy định tại Mục a khoản 5 điều 13 Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điều 169 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau :
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát Công ty

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

- d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết;
- e. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;
- f. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

Điều 41. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản ký khác. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về Hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường củ Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Đảm bảo phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
9. Xây dựng Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
10. Có quyền Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
11. Đề xuất và kiến nghị tại Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau :
 - a. Phê duyệt danh sách tổ kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
12. Quyền cung cấp thông tin của ban kiểm soát:
 - a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm: Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.
 - b. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - c. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.
13. Có quyền Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
14. Có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
15. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
16. Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại điểm d và e Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.

f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

17. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm: Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật

doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty; Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty, không được sử dụng những thông tin nêu trên để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác, đồng thời không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân;
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của Pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin..
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau :
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ nhỏ hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn tới giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch đối với các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người hoặc tổ chức có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại mục r khoản 2 Điều 16 Điều lệ này khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí được bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả chi phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 điều 13 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan tới bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Chương XII. CÁN BỘ QUẢN LÝ, CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Điều 47. Cán bộ quản lý, Công nhân viên và công đoàn

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và các chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
3. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
3. Chế độ tuyển dụng: Về tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền) và người lao động kể cả các cán bộ quản lý (thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc) phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế tuyển dụng và cho thôi việc cán bộ, công nhân viên của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
4. Chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động (bao gồm cả các cán bộ quản lý) làm việc trong Công ty: Người lao động làm việc trong Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 đều phải ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc (hoặc người được Tổng giám đốc uỷ quyền), được hưởng quyền lợi và phải thực hiện các

nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Luật Lao động, quy định của Công ty, và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 48. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con

1. Công ty có các đơn vị trực thuộc (Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh), Công ty con.
2. Công ty có thể thành lập các đơn vị thành viên ở trong nước và ngoài nước theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 49. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc

Các đơn vị trực thuộc công ty bao gồm Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, hạch toán độc lập thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa bằng quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 50. Quản lý phần vốn góp của Công ty trong các Công ty liên quan

1. Công ty giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của Công ty trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các Công ty liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.
2. Công ty quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng thời điểm cử người đại diện cụ thể.

Điều 51. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi Công ty nắm quyền chi phối đối với một Công ty liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ sẽ được quy định trong Điều lệ và Quy chế tài chính của Công ty liên quan, có thể bao gồm các lĩnh vực sau:

- a. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động;
- b. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược sản xuất kinh doanh;
- c. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hàng năm;
- d. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan;
- đ. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của Công ty có liên quan;
- e. Tham gia vào hoạt động trong toàn bộ Công ty, liên kết với các Công ty có liên quan để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp;
- g. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của Công ty đầu tư vào các Công ty có liên quan;

h. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật.

2. Công ty sẽ hỗ trợ các đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, đầu tư giữa các đơn vị thành viên được xác định trên cơ sở vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Công ty. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a. Phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty theo đề nghị của công ty. Quyết định mô hình tổ chức quản lý, cơ cấu quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật chức danh Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên.

b. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

c. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Công ty; trình chủ sở hữu quyết định chuyển một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

d. Quyết định dự án đầu tư, mua bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

e. Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; giám sát đánh giá hiệu quả của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty theo Điều lệ Công ty.

f. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm và quyết định phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

g. Trình chủ sở hữu quyết định tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty theo quy định của pháp luật.

h. Các quyền khác theo quy định của chủ sở hữu và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Công ty phân cấp cho Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với Giám đốc công ty; Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

4. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

- a. Góp vốn đầu đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp vốn đủ và đúng hạn như đã cam kết thì phải chịu các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết.
- b. Tuân thủ Điều lệ Công ty.
- c. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và của Công ty.
- d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty với Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 3.
- e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm bảo đáp ứng đủ nguồn vốn cho kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng của cổ đông do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty thực hiện theo quy định của Điều 60, Điều 61 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày

cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch năm đó.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán của Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.
4. Công ty thực hiện quản lý tài chính theo chế độ hiện hành của Nhà nước và các Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 57. Báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật và Điều 59 Điều lệ này.

Công ty phải công bố báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp và các quy định tại quy chế tài chính, hướng dẫn nghiệp vụ do Công ty ban hành.

Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm của công ty mẹ còn phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn vào cuối niên độ kế toán.

Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo quy định của Quy chế tài chính công ty.

Điều 58. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số đơn vị này

tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản, điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 60. Dấu của công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty (nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 61. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hoạt động liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.
3. Công ty có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.
4. Trình tự, thủ tục về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 62. Tổ chức lại

1. Chia công ty: Công ty có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị chia) để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới. Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty

được thực hiện theo quy định tại Điều 198 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Tách công ty: công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, cổ đông của công ty hiện có (gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty mới (gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 199 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

3. Hợp nhất công ty: Công ty cùng với một hoặc một số công ty (gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 200 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

4. Sáp nhập công ty : Một hoặc một số công ty (gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập. Thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 201 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

5. Chuyển đổi hình thức pháp lý: Công ty có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Phương thức, thủ tục và các quy định về chuyển đổi hình thức pháp lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 203, Điều 204 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Điều 63. Giải thể công ty.

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể hoặc chấm dứt theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Các quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

3. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.

4. Đối với việc giải thể Công ty trong trường hợp quy định tại mục a, khoản 1 Điều này Nghị quyết, Quyết định giải thể công ty phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b. Lý do giải thể;
- c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của công ty;
- d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó: 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (v) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

6. Trình tự, Thủ tục và các hồ sơ giải thể công ty được thực hiện theo các quy định tại điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 và Điều 212 Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Điều 64. Phá sản Công ty

Thủ tục phá sản và việc thanh lý tài sản của Công ty trong trường hợp phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- b. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác của Công ty.

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội

đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài kinh tế hoặc toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ

1. Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3, khi cần thì được bổ sung, sửa đổi. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định thông qua biểu quyết.

2. Trường hợp pháp luật có những quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 67. Điều khoản chung

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 67 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 nhất trí thông qua ngày tháng năm 2026.

2. Điều lệ được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Vương Tấn Hát